

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-PT
Ngày 22-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Hoài N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm Hoài N**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Đ (Gi) và bà Phạm Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hồ Tấn P – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre;

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 05 tháng 9 năm 2018, sau khi đã có uống rượu bia, Phạm Hoài N điều khiển xe mô tô biển số xxx-xxx.xx lưu thông trên đường ĐH07 hướng từ ấp T, xã Đ về vòng xoay B thuộc xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp T, xã Đ thì N điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái va chạm với xe mô tô biển số xxx-xxx.xx do ông Bùi Văn S, sinh năm 1976, điều khiển chở phía sau là anh Bùi Văn Trường K, sinh năm 2001, cùng cư trú tại ấp 6, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả làm ông S bị chấn thương nặng ở vùng đầu đến 07 giờ 45 phút ngày 08 tháng 9 năm 2018 thì tử vong tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với anh K bị gãy chân

trái phải điều trị tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện xác định vị trí va chạm của hai xe nằm trên phần đường bên phải theo hướng từ vòng xoay B thuộc xã BT về ấp T, xã Đ(theo hướng lưu thông của xe mô tô biển số xxx-xxx.xx do ông Bùi Văn S điều khiển). Vị trí va chạm cách mép đường bên phải 0,8m, mặt đường rộng 4m, được phân chia thành hai phần đường, mỗi bên 02m.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 77-918/TT ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận nguyên nhân tử vong của nạn nhân Bùi Văn S chết do đa chấn thương, tai nạn giao thông đường bộ.

Theo giấy ra viện ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu chuẩn đoán anh Bùi Văn Trường K bị vết thương hở đầu gối. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, anh Bùi Văn Trường K có đơn không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật.

Bản thân Phạm Hoài N chưa có giấy phép lái xe mô tô. Sau khi xảy ra tai nạn, lực lượng cảnh sát giao thông tiến hành đo nồng độ cồn đối với Phạm Hoài N, kết quả xác định 0,9522 miligam/01 lít khí thở.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phạm Hoài N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Hoài N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, bị cáo Phạm Hoài N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hoài N 02 năm tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử xét hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, cha mẹ của bị cáo bị bệnh không lao động được, bị cáo là lao động chính tạo ra thu nhập nuôi dưỡng cha mẹ và bồi thường tiếp cho gia đình bị hại. Sau khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo đã bồi thường tiếp cho gia đình ông S 20.000.000 đồng và anh K 4.246.000 đồng, lỗi trong vụ tai nạn giao thông thuộc lỗi vô ý. Vì vậy có đủ căn cứ để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Phạm Hoài N điều khiển xe mô tô biển số xxcx-xxx.xx lưu thông trên đường ĐH07 hướng từ ấp T, xã Đ đi vòng xoay B thuộc xã BT, huyện B. Khi đến khu vực thuộc ấp T, xã Đ, do đi không đúng phần đường quy định đã va chạm với xe mô tô biển số xxfx-xxx.xx do ông Bùi Văn S điều khiển chở sau Bùi Văn Trường K đang lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả làm cho ông S tử vong do đa chấn thương. Kết quả điều tra xác định nồng độ cồn của bị cáo N là 0,952mg/01 lít khí thở và bị cáo N không có giấy phép lái xe mô tô. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với hai tình tiết định khung tăng nặng “không có giấy phép lái xe theo quy định” và “trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo N là đúng quy định pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo có cha ruột tham gia nghĩa vụ quốc tế, bác ruột được nhà nước phong tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, người đại diện của bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 2 năm tù là có căn cứ, đúng luật định. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm biên nhận đã bồi thường tiếp cho gia đình bị hại S số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường cho anh K số tiền 4.260.000 đồng. Song số tiền bồi thường thêm này là ít so với tổng số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường. Đồng thời, lỗi trong vụ tai nạn giao thông này hoàn toàn thuộc về bị cáo, đã điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông nhưng đã uống nhiều rượu bia nên không làm chủ tay lái, thiếu tập trung quan sát phần đường phía trước, điều khiển xe hết sức cầu thả lần sang phần đường bên trái gây ra vụ tai nạn giao thông làm ông Bùi Văn S tử vong, gây mất mát đau thương vô hạn cho gia đình nạn nhân không gì bù đắp được. Mặc khác, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều

luật quy định là đã có xem xét chiều cố đáng kể khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của tội phạm và nhân thân của bị cáo để đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo hai năm tù là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Hoài N 02 (hai) năm tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Phạm Hoài N được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an và VKSND huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn